

Số: 32 /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 88/TTr-STP ngày 30 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và thay thế Quyết định số 58/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về sửa đổi khoản 3 Điều 2 Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 58/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
 - Cục Hỗ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp;
 - Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
 - TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Chánh, PCVP UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
 - Lưu: VT, Công TTĐT, THNC.
- <Maibnt.QĐ.T8.66 bản>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng

QUY ĐỊNH

**Về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2020/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng và thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ

1. Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định pháp luật.

2. Hồ sơ xét duyệt phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng đối với hồ sơ đạt tối thiểu từ 85 điểm đối với địa bàn thành phố Biên Hòa và các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch; 80 điểm đối với địa bàn thành phố Long Khánh và huyện Trảng Bom; 75 điểm đối với địa bàn các huyện: Thống Nhất, Định Quán, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Vĩnh Cửu; trong đó mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu 50% số điểm của nhóm tiêu chí.

Điều 3. Trách nhiệm của công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng, chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng.

Chương II

**TIÊU CHÍ, CÁCH THỨC XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Điều 4. Cơ cấu thang điểm

Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng căn cứ trên các nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 5 của Quy định này. Tổng số điểm đánh giá cho các nhóm tiêu chí là 100 điểm trên cơ sở thang điểm của từng tiêu chí đánh giá hồ sơ.

Điều 5. Các nhóm tiêu chí

1. Nhóm tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng: Công chứng viên, nhân viên nghiệp vụ, nhân sự phụ trách kế toán, nhân sự phụ trách công nghệ thông tin, nhân sự phụ trách lưu trữ: 50 điểm.

2. Nhóm tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng: 42 điểm.

3. Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Văn phòng công chứng: 04 điểm.

4. Nhóm tiêu chí về quy trình nghiệp vụ và lưu trữ: 02 điểm.

5. Nhóm tiêu chí về tổ chức triển khai thực hiện Đề án: 02 điểm.

Điểm số các tiêu chí được quy định tại Phụ lục về tiêu chí và điểm số xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kèm theo Quy định này.

Điều 6. Các trường hợp không tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

1. Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu về loại hình hoạt động của Văn phòng công chứng, điều kiện đối với Trưởng văn phòng công chứng, tên gọi của Văn phòng công chứng, trụ sở của Văn phòng công chứng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 22 Luật Công chứng.

2. Công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Bị xử lý kỷ luật mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật;

c) Bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công chứng mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Công chứng.

3. Trong thời hạn xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, công chứng viên đồng thời đứng tên trong hai hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trở lên hoặc hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ.

Điều 7. Cách thức xét duyệt hồ sơ

1. Giám đốc Sở Tư pháp thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có từ 5-7 thành viên gồm: Công chức của Sở Tư pháp và đại diện một số đơn vị có liên quan do Lãnh đạo Sở Tư pháp làm Tổ trưởng.

2. Căn cứ kết quả chấm điểm, nguyên tắc xét duyệt hồ sơ và các quy định pháp luật có liên quan, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Khiếu nại, tố cáo

1. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền khiếu nại về việc từ chối cho phép thành lập Văn phòng công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối là trái Luật Công chứng, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này.

2. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật và Quy định này trong việc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

Văn phòng công chứng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh khi thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng phải đảm bảo các tiêu chí về trụ sở được quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này, cụ thể như sau: Trường hợp thay đổi trụ sở từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác phải đạt tối thiểu 80% số điểm nhóm tiêu chí về trụ sở; Trường hợp thay đổi trụ sở trong cùng địa bàn cấp huyện phải đạt tối thiểu 60% số điểm nhóm tiêu chí về trụ sở. Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thay đổi trụ sở, Văn phòng công chứng phải có từ 02 công chứng viên hợp danh trở lên.

2. Giao Sở Tư pháp tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



Phụ lục
Về tiêu chí và điểm số xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 32 /2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
Tổng số điểm đánh giá cho các nhóm tiêu chí		100
I	Nhóm tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng	50
1	Công chứng viên	34
a	Mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh	4 (Tối đa 12 điểm)
b	Mỗi công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng	2 (Tối đa 4 điểm)
c	Kinh nghiệm của công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng (là thời gian hành nghề với tư cách là công chứng viên tại các tổ chức hành nghề công chứng)	15
	- Dưới 03 năm	3
	- Từ đủ 03 năm đến dưới 05 năm	5
	- Từ đủ 05 năm đến dưới 10 năm	10
	- Từ đủ 10 năm trở lên	15
d	Công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng có bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hoặc giấy tờ chứng minh đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị, quản lý	3
2	Nhân viên nghiệp vụ	10
a	Mỗi nhân viên nghiệp vụ	0,5 (Tối đa 2 điểm)
b	Văn phòng công chứng có từ 1/2 tổng số nhân viên nghiệp vụ có trình độ đại học chuyên ngành Luật trở lên	3
c	Văn phòng công chứng có từ 1/2 tổng số nhân viên nghiệp vụ có	5

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
	thời gian công tác nghiệp vụ công chứng kể từ khi có bằng đại học chuyên ngành luật từ đủ 03 năm trở lên	
3	Nhân sự phụ trách kế toán	2
a	Nhân sự phụ trách kế toán có trình độ cao đẳng chuyên ngành kế toán trở lên	1
b	Nhân sự phụ trách kế toán có thời gian làm công tác kế toán từ đủ 03 năm trở lên	1
4	Nhân sự phụ trách công nghệ thông tin	2
a	Nhân sự phụ trách công nghệ thông tin có trình độ cao đẳng chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên	1
b	Nhân sự phụ trách công nghệ thông tin có thời gian làm công tác công nghệ thông tin từ đủ 03 năm trở lên	1
5	Nhân sự phụ trách lưu trữ	2
a	Nhân sự phụ trách lưu trữ có trình độ cao đẳng chuyên ngành lưu trữ trở lên	1
b	Nhân sự phụ trách lưu trữ có thời gian làm công tác lưu trữ từ đủ 03 năm trở lên	1
II	Nhóm tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng	42
1	Vị trí đặt trụ sở Văn phòng công chứng bảo đảm khoảng cách tối thiểu so với các tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động trên địa bàn	15
a	Tại địa bàn thành phố Biên Hòa và các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch	
	- Dưới 05km	1
	- Từ đủ 05km đến dưới 10km	3
	- Từ đủ 10km trở lên	15
b	Tại địa bàn thành phố Long Khánh và huyện Trảng Bom	
	- Dưới 05km	1

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
	- Từ đủ 05km đến dưới 07km	3
	- Từ đủ 07km trở lên	15
c	Tại địa bàn các huyện còn lại	
	- Dưới 05km	3
	- Từ đủ 05km trở lên	15
2	Diện tích trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng	13
a	Từ đủ 150m ² đến dưới 200m ²	5
b	Từ đủ 200m ² trở lên	13
3	Tổ chức bố trí trụ sở Văn phòng công chứng	3
a	Diện tích phòng làm việc của Trưởng Văn phòng công chứng từ 12m ² trở lên	1
b	Diện tích phòng làm việc của công chứng viên và người lao động từ 10m ² /người trở lên	1
c	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ yêu cầu công chứng tối thiểu 30m ²	1
4	Kho lưu trữ hồ sơ công chứng	3
a	Diện tích từ đủ 30m ² đến dưới 50m ²	1
b	Diện tích từ đủ 50m ² trở lên	3
5	Tổ chức, bố trí địa điểm giữ xe	3
a	Diện tích giữ xe từ đủ 30m ² đến dưới 50m ²	1
b	Diện tích giữ xe từ đủ 50m ² trở lên	3
c	Trường hợp trụ sở Văn phòng công chứng không có diện tích dành cho việc giữ xe nhưng có bố trí địa điểm giữ xe (thuê, mượn chỗ giữ xe, sử dụng bãi đỗ xe công cộng) trong phạm vi khoảng cách 100m tính từ trụ sở Văn phòng công chứng thì được tính 50% so với số điểm tối đa của diện tích tương ứng	

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
6	Tính pháp lý của trụ sở Văn phòng công chứng	5
a	Trụ sở Văn phòng công chứng là nhà, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và có hợp đồng thuê, mượn từ đủ 03 năm đến dưới 05 năm	1
b	Trụ sở Văn phòng công chứng là nhà, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và có hợp đồng thuê, mượn từ đủ 05 năm trở lên	3
c	Trụ sở Văn phòng công chứng là nhà, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của một trong các công chứng viên hợp danh đề nghị thành lập Văn phòng công chứng	5
III	Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Văn phòng công chứng	4
1	Có phương án trang bị máy tính, máy photocopy, máy fax, bàn ghế làm việc, bàn ghế tiếp khách, tủ đựng tài liệu và các trang thiết bị cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của Văn phòng	2
2	Có phương án lắp đặt phương tiện kết nối internet; đăng ký địa chỉ thư điện tử của Văn phòng công chứng, sử dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng, quản lý kế toán	1
3	Có lắp đặt thiết bị về phòng chống cháy nổ	1
IV	Nhóm tiêu chí về quy trình nghiệp vụ và lưu trữ	2
1	Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng chặt chẽ, đúng quy định pháp luật	1
2	Xây dựng quy trình lưu trữ khoa học, đúng quy định pháp luật	1
V	Nhóm tiêu chí về tổ chức triển khai thực hiện Đề án	2
1	Xác định được thời gian, tiến độ, biện pháp bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung được quy định tại Phụ lục này	1
2	Có đầy đủ nội quy, quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng công chứng	1